

Bản án số: 154/2020/HS-PT
Ngày: 17 - 03 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán:

Ông Tô Chánh Trung

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 788/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V;

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Thị Ngọc V, sinh năm 1984; nơi sinh: huyện CP, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp An Hòa, xã AH, huyện TB, tỉnh An Giang; Chỗ ở: số 19A, đường 1B, khu phố 17, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn E, sinh năm 1963 và bà Dương Thị N, sinh năm 1964; anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; có chồng là Trương Minh Đ, sinh năm 1988 và có 02 người con chung: lớn nhất sinh ngày 14/03/2017, nhỏ nhất sinh ngày 30/12/2018; nhân thân: từ nhỏ sống với cha mẹ, đi học đến lớp 12 thì nghỉ. Năm 2015, lập gia đình và sống bằng nghề mua bán;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Phan Hòa N, Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Người bị hại:

1/Chị Tống Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: 182 tổ 6, ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ T, huyện CP, tỉnh An Giang.

2/Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Hưng Thới, xã Đào Hữu C, huyện CP, tỉnh An Giang.

3/Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Tân Thành, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Tống Thị Mỹ K, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: 477 tổ 13, ấp Hưng Trung, xã Đào Hữu C, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tiền, vào khoảng tháng 11/2013, Huỳnh Thị Ngọc V nói dối với chị Tống Thị Mỹ K (là bạn cùng xóm) rằng có một người (tên là Nguyễn Thị K Hoàng, ở ấp Hưng Thới, xã Đào Hữu C, huyện CP, tỉnh An Giang) mua đất tại Thành phố Hồ Chí Minh với giá 600.000.000 đồng, chỉ sau 01 tháng đã bán lại được 1.200.000.000 đồng, rủ chị K hùn tiền để V đến Thành phố Hồ Chí Minh tìm mua đất, bán lại kiếm lời.

Vì tin là thật, chị K đưa cho V 200.000.000 đồng để hùn vốn mua đất. Vào khoảng 07 ngày sau, V nói dối với chị K là đã mua được 01 thửa đất, diện tích 6m x 30m, có 02 mặt tiền tại khu B, phường BHHA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.300.000.000 đồng (của một người đàn ông tên Nhân, làm nghề môi giới đất ở quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh), trong đó, K Hoàng hùn vốn 650.000.000 đồng, còn lại là phần vốn của V và chị K; V yêu cầu K đưa thêm 125.000.000 đồng để đủ $\frac{1}{4}$ giá trị thửa đất; chị K đồng ý đưa thêm 125.000.000 đồng.

Sau khoảng 07 ngày, V cho chị K biết rằng thửa đất trên nằm trong khu quy hoạch của một tập đoàn bất động sản Nhật Bản, đã có người hỏi mua với giá 7.000.000.000 đồng, nhưng nếu để lại sau 01 năm sẽ được bồi thường 130 tỷ đồng. Tin tưởng V nên chị K nói để đất lại, không chuyển nhượng cho người khác. Bên cạnh đó, chị K nói cho chị Tống Thị Mỹ H (là chị ruột của chị K) biết để gặp V, xin hùn vốn. Khi hai bên gặp nhau, V nói dối rằng sẽ chia lại cho chị H $\frac{1}{4}$ trong tổng diện tích phần đất của K Hoàng hùn mua, với giá 200.000.000 đồng; chị H tin lời và đưa cho V 200.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 05/2014, V nói dối với chị K là dự định bán lại $\frac{1}{4}$ trong tổng diện tích đất của V hùn mua cho K Hoàng với giá 500.000.000 đồng. Nghe xong, chị K bàn bạc với chị H, đến gặp V thỏa thuận mua lại phần đất trên và

được V đồng ý bán với giá 500.000.000 đồng, trong đó, chị K hùn vốn 125.000.000 đồng, chị H hùn vốn 375.000.000 đồng, đưa cho V.

Đến khoảng tháng 6/2014, V tiếp tục nói với chị K, chị H rằng muốn mua lại phần đất của K Hoàng, với giá 5.500.000.000 đồng và nói chị K, chị H, mỗi người hãy hùn thêm 500.000.000 đồng, còn lại phần của V. Chị K và chị H mỗi người hùn 500.000.000 đồng đưa cho V.

Đến ngày 20/08/2014, chị H nhiều lần yêu cầu V dẫn đi xem đất và cho xem giấy tờ đất. Vì vậy, V đã viết giấy biên nhận về việc có nhận tiền hùn vốn mua đất của H 1.075.000.000 đồng, nhận của chị K 500.000.000 đồng và V làm giấy cam kết để làm tin rằng nếu phần đất giải tỏa được bồi hoàn 423 tỷ đồng, sẽ chia làm ba phần.

Đến ngày 03/11/2016, không thấy V chia lợi nhuận và dẫn đi xem đất nên chị K, chị H đến cơ quan Công an trình báo.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn xác định được rằng ngoài việc chiếm đoạt tiền của chị K, chị H nói trên, thì V còn lừa gạt chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Thị T bằng cách như sau:

-Vào ngày 07/8/2014, V nói dối với chị Trinh (chị dâu của chị K, chị H) là có hùn vốn với K Hoàng, mỗi người 800.000.000 đồng, để mua 01 thửa đất diện tích 6m x 30m tại phường 9, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.600.000.000 đồng và cho chị Trinh biết thửa đất trên nằm trong khu quy hoạch của công ty Nhật Bản, đầu tư từ 01 năm đến 03 năm sẽ được bồi thường từ 130 tỷ đồng đến 423 tỷ đồng. Tin tưởng là thật, chị Trinh đã đưa cho V số tiền 350.000.000 đồng để hùn vốn đầu tư và V viết biên nhận, hứa hẹn sau 03 năm sẽ chia cho chị Trinh 30 tỷ đồng. Sau đó khoảng 10 ngày, V tiếp tục kêu chị Trinh tìm người quen để V chia lại 01 phần đất hùn mua chung với K Hoàng, vì V bị mất trộm số tiền Trinh đã đưa, nên cần tiền. Chị Trinh cho anh Nguyễn Quốc T (là anh ruột của chị Trinh) biết và gặp V thỏa thuận việc hùn vốn. Vào ngày 20/8/2014, anh Trung đưa cho V 500.000.000 đồng để hùn vốn mua đất; V viết biên nhận, hứa hẹn sau 01 năm sẽ chia cho anh Trung 25 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong năm 2015, để tiếp tục lừa gạt, chiếm đoạt tiền của chị Trinh, anh Trung, thì V nói dối với chị Trinh rằng cần tiền xây nhà và muốn chia lại 01 phần đất nói trên với giá 200.000.000 đồng. Chị Trinh tin tưởng, đưa tiền cho V; V hứa sẽ chia thêm 5 tỷ đồng và kêu anh Trung 02 lần đưa thêm 420.000.000 đồng để được V chia thêm phần hùn vốn mua đất. Tổng cộng, anh Trung đã đưa cho V 920.000.000 đồng; V viết giấy biên nhận, hứa rằng khi bán đất, anh Trung sẽ được chia lợi nhuận 55 tỷ đồng. Trong khoảng thời gian này, V còn cho chị Trinh xem 01 giấy biên nhận do chị K viết (có nội dung là đã trả cho chị K 2.000.000.000 đồng) và 01 giấy biên nhận không rõ người viết (có nội dung là đã trả cho H 1.000.000.000 đồng) để chị Trinh tin tưởng, nhờ anh Trung 03 lần chuyển vào tài khoản (số 6713273090297 của V mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) số tiền 137.000.000 đồng. Tổng cộng, chị Trinh đã bị V chiếm đoạt 687.000.000 đồng.

Đến ngày 25/2/2017, chị Trinh, anh Trung đến cơ quan Công an trình báo.

Vào ngày 03/12/2018, V bị khởi tố và bị điều tra.

Kết luận giám định số 644/KLGT-PC09 ngày 23/10/2018; số 645/KLGT-PC09 ngày 14/10/2018 và số 646/KLGT-PC09 ngày 16/10/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an tỉnh An Giang kết luận như sau:

-Chữ viết trong tờ hợp đồng hùn vốn mua đất ngày 20/8/2014; đơn nhận tiền ngày 07/8/2014; giấy nhận tiền (không rõ ngày, tháng, năm); tờ hùn vốn đầu tư ngày 20/8/2014; tờ hùn vốn ngày 22/12/2015 và mẫu chữ viết, chữ ký của Huỳnh Thị Ngọc V gửi đến giám định, là do cùng một người ký và viết ra;

-Chữ viết trong 02 biên nhận tiền ngày 14/3/2015 ghi tên Tống Thị Mỹ H, Tống Thị Mỹ K (bản photocopy) và chữ ký, chữ viết của Tống Thị Mỹ H, Tống Thị Mỹ K gửi đến giám định: không đủ cơ sở để kết luận có phải do cùng một người ký và viết ra hay không.

Vật chứng thu giữ:

-01 tờ biên nhận tiền của Huỳnh Thị Ngọc V ngày 14/3/2015 ghi tên Tống Thị Mỹ K (bản photocopy); 01 tờ biên nhận tiền của Huỳnh Thị Ngọc V ngày 14/3/2015 ghi tên Tống Thị Mỹ H (bản photocopy) và các tờ hợp đồng hùn vốn mua đất, giấy nhận tiền, giấy hùn vốn đầu tư giữa Huỳnh Thị Ngọc V, Tống Thị Mỹ H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc T; 03 giấy nộp tiền vào tài khoản của Huỳnh Thị Ngọc V tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là Tống Thị Mỹ H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc T, Tống Thị Mỹ K, Tống Thị Tuyên, Huỳnh Ngọc Có, Nguyễn Thị K Hoàng, Dương Thị Ngò, Huỳnh Thị Nhiễm cùng trình bày như nội dung vụ án đã nói trên.

Riêng chị H không thừa nhận rằng chữ viết tại biên nhận ngày 14/3/2015 (bản photocopy) do V giao nộp, là của chị H và chị H khẳng định rằng không nhận 1.000.000.000 đồng của V.

Chị Tống Thị Mỹ K trình bày thêm như sau:

-Do tin tưởng V mua đất được bồi thường giá cao, nên chị K tin tưởng, hùn vốn với V, tổng cộng 950.000.000 đồng. Chị K và V không làm giấy biên nhận với nhau mà chỉ viết chung trong hợp đồng hùn vốn mua đất giữa H và V với số tiền 500.000.000 đồng. Chữ viết trên giấy biên nhận ngày 14/3/2015 (bản photocopy) do V giao nộp là của K viết theo yêu cầu của V để làm cho chị Trinh, anh Trung tin tưởng vào việc chị K có hùn tiền mua đất với V, nhưng trong thực tế, chị K không nhận khoản tiền này và không biết V sử dụng biên nhận này để tiếp tục tạo sự tin tưởng và chiếm đoạt tiền của chị Trinh, anh Trung. Khi đưa tiền cho V, chị K không làm giấy biên nhận và không có chứng cứ để bác bỏ lời khai của V về việc chị K có nhận tiền nên chị K sẽ khởi kiện dân sự đối với V ở vụ kiện dân sự khác.

Chị Tổng Thị Tuyền trình bày như sau:

Vào khoảng tháng 11/2013, chị Tuyền có đưa cho V tổng cộng 480.000.000 đồng (gồm 350.000.000 đồng và 03 lượng V 24 kara) để hùn vốn mua đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sau đó bị V chiếm đoạt. Giữa chị Tuyền và V không làm giấy biên nhận và không có người chứng kiến sự việc đưa tiền.

Tại cơ quan điều tra, Huỳnh Thị Ngọc V thừa nhận rằng đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa gạt, làm cho chị H, chị K, chị Trinh, anh Trung tin tưởng, đưa tiền cho V như nội dung nói trên. Ngoài ra, V cho rằng đã trả lại cho chị K 2.000.000.000 đồng, trả lại cho chị H 1.000.000.000 đồng và không chiếm đoạt tiền của chị Tổng Thị Tuyền. V khai nhận rằng bị người đàn ông tên Nhân lừa gạt và cho rằng chỉ nhận của chị K, chị H tổng cộng là 575.000.000 đồng; nhận của chị Trinh tổng cộng là 487.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKSAG.P1 ngày 22/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 29/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Vào ngày 11/11/2019, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V có đơn kháng cáo, yêu cầu như sau:

-Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng trong vụ án này, việc phạm tội của bị cáo có một phần do áp lực từ phía chị K; chị K đã liên tục đe dọa, gây áp lực, đòi bị cáo phải chia lợi nhuận từ việc mua-bán đất. Tòa án chưa làm rõ về giấy biên nhận (bản photocopy) mà nội dung thể hiện rằng bị cáo đã trả lại cho chị K, chị H tổng cộng là 3.000.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nói trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, là hợp lệ;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận rằng trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V đã dùng thủ đoạn gian dối (mời người bị hại góp tiền mua-bán đất tại Thành phố Hồ Chí Minh để bán lại, tìm kiếm lợi nhuận) để chiếm đoạt tài sản của chị H, chị Trinh và anh Trung, tổng cộng là 2.682.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo cho rằng việc phạm tội của bị cáo là do bị đe dọa từ phía chị K nhưng lời khai này không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo 14 năm tù; hình phạt này là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và xin xem xét lại khoản tiền giao dịch với chị K, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến như sau:

-Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên Luật sư không có ý kiến gì khác về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tình tiết sau đây: trong hồ sơ vụ án có 02 giấy biên nhận, bản photocopy ghi ngày 14/03/2015, trong đó có 01 giấy biên nhận mà chị K thừa nhận rằng đương sự đã ký tên vào giấy biên nhận này. Giấy biên nhận thể hiện rằng chị K đã nhận số tiền 2.000.000.000 đồng mà bị cáo giao. Như vậy, mặc dù giấy biên nhận không có bản chính, nhưng chị K đã thừa nhận nên bản photocopy vẫn có giá trị, đề nghị Tòa án ghi nhận sự việc này để sau này bị cáo có thể khởi kiện chị K tại vụ án dân sự khác.

Với những ý kiến nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bằng cách thức gian dối, đưa ra thông tin là đã mua được đất tại Thành phố Hồ Chí Minh (mua với giá 600.000.000 đồng nhưng chỉ 01 tháng sau bán lại được 1.200.000.000 đồng; phao tin đất nằm trong quy hoạch của tập đoàn bất động sản Nhật Bản đã có người trả giá 7.000.000.000 đồng, nhưng nếu để lại 01

năm sau được bồi thường 130 tỷ đồng, để lại 03 năm sẽ được bồi thường 423 tỷ đồng.....) làm cho người bị hại tin tưởng, hùn tiền mua đất để cùng chia lợi nhuận, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2013 đến cuối năm 2015, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V đã nhiều lần được người bị hại giao tiền hùn mua đất rồi sau đó chiếm đoạt các khoản tiền này. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo bị cáo thừa nhận rằng bị cáo không có đất, không mua được đất trong khu quy hoạch ở Thành phố Hồ Chí Minh như nói với người bị hại.

Kết quả điều tra đã xác định rằng bằng cách thức nói trên, từ cuối năm 2013 đến cuối năm 2015, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V đã chiếm đoạt của chị Tống Thị Mỹ H số tiền 1.057.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T số tiền 687.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Nguyễn Quốc T số tiền 920.000.000 đồng; số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của 03 người bị hại là 2.682.000.000 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị Tòa án làm rõ thêm về một số khoản tiền mà bản cáo trạng và bản án sơ thẩm quy kết, như: bị cáo cho rằng chỉ chiếm đoạt của chị H và chị K số tiền 575.000.000 đồng; số tiền 500.000.000 đồng ghi phần hùn của chị H trong hợp đồng hùn vốn mua đất ngày 20/8/2014 nhưng bị cáo chưa nhận được; bị cáo chỉ chiếm đoạt của chị Trinh tổng cộng là 487.000.000 đồng (chị Trinh đưa 350.000.000 đồng và bị cáo nhận chuyển khoản 137.000.000 đồng từ anh Trung; còn lại 200.000.000 đồng bị cáo chưa nhận được).

Sự việc bị cáo cho rằng đã bị chị K ép buộc viết thêm số tiền đã nhận cũng như chị K đã nhận 2.000.000.000 đồng của bị cáo, đã không được chị H và chị K thừa nhận. Ngoài lời khai nói trên, bị cáo không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh rằng lời khai của bị cáo là đúng.

Như vậy, Tòa án có căn cứ kết luận rằng bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với một tình tiết định khung hình phạt (Điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt đối với hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên).

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng, lợi dụng sự tin tưởng của người khác để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của họ; tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là rất lớn (số tiền là 2.682.000.000 đồng).

[3] Xét về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo người bị hại nhiều lần, phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó

khẩn, có 02 người con còn nhỏ; bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại xảy ra nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về mối quan hệ giữa bị cáo và chị Tống Thị Mỹ K, bản án sơ thẩm xác định như sau: -chị Tống Thị Mỹ K tố giác bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V chiếm đoạt 950.000.000 đồng; chị K không thừa nhận việc bị cáo đã trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng. Xét thấy ngoài lời khai của hai bên thì không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh là đúng. Trong trường hợp đó, bị cáo và chị K có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa hai bên bằng vụ án khác.

Việc giải quyết nói trên của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng. Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét lại về số tiền chiếm đoạt đã được làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Với những tài liệu, chứng cứ đã phân tích nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V về việc xem xét lại về một số khoản tiền chiếm đoạt của người bị hại hoặc trong giao dịch với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, về phần hình sự, xét hoàn cảnh phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345 và Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

1/Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về phần hình sự, như sau:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc V 13 (mười ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí phúc thẩm: bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- UBND xã AH;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu HSVA, VT, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phan Thanh Tùng**